

Tên em:

Lớp:

Toán

Ôn tập bảng đơn vị đo độ dài

Bài 1: Sắp xếp các đơn vị đo độ dài sau theo thứ tự từ lớn đến bé.

hm	cm	dam	dm	km	mm	m
----	----	-----	----	----	----	---

--	--	--	--	--	--	--

Bài 2: Viết số hoặc phân số thích hợp vào chỗ trống:

a) $1 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ mm}$

b) $1 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ m}$

$1 \text{ hm} = \dots\dots\dots \text{ m}$

$1 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{ km}$

Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ trống:

$4 \text{ km } 37 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{ m}$

$630 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ cm}$

$462 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ m } \dots\dots\dots \text{ dm}$

$29 \text{ m } 34 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ cm}$

Bài 4: Trong thực tế, để đo các chiều dài sau ta thường sử dụng đơn vị nào?



Độ dài sân bóng:



Quãng đường Hà Nội- Huế:



Chiều dài quyển sách: